

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ TRANH TỤNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

NGUYỄN HẢI NINH *

Tóm tắt: Bài viết đưa ra quan điểm về mô hình tố tụng Việt Nam với việc lần đầu tiên ghi nhận tranh tụng là nguyên tắc trong luật tố tụng hình sự; làm rõ nội dung của nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”; đánh giá sự thể hiện của nguyên tắc trong các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chỉ ra điểm hạn chế trong quy định của Bộ luật từ đó đề xuất hoàn thiện pháp luật để xác định đúng phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc, nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán cũng như thẩm quyền thu thập, bổ sung chứng cứ của tòa án nhằm bảo đảm thực thi nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Từ khoá: BLTTHS; tranh tụng; nguyên tắc; xét xử; mô hình tố tụng

Nhận bài: 06/3/2020

Hoàn thành biên tập: 29/4/2020

Duyệt đăng: 03/6/2020

ADVERSARIAL PROCESS UNDER THE 2015 CRIMINAL PROCEDURE CODE AND SOLUTIONS FOR IMPROVEMENT

Abstract: The paper offers viewpoints on the criminal procedure model of Vietnam in which adversarial process has been recognised for the first time as a principle of the criminal procedure law. It clarifies the principle of “assurance of adversarial process in adjudication” and assesses the manifestation of this principle in the 2015 Criminal Procedure Code. The paper then points out the limitations of the Code in this regard and suggests solutions for improvement in order to properly define the regulatory scope of the principle, duties and powers of judges as well as powers of courts to collect and supplement evidence to ensure the implementation of the principle of adversarial process in criminal proceedings.

Keywords: Criminal Procedure Code; adversarial process; principle; adjudication; criminal procedure model

Received: Mar 6th, 2020; Editing completed: Apr 29th, 2020; Accepted for publication: June 3rd, 2020

1. Một số nhận thức chung về tranh tụng trong tố tụng hình sự

Trong tố tụng hình sự, tranh tụng được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau: mô hình tố tụng, nguyên tắc của luật tố tụng hay thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án.

Tranh tụng với tính chất là mô hình tố

tụng được xây dựng trên cơ sở cho rằng sự thật sẽ được mở ra qua sự tranh luận tự do và cởi mở giữa những người có các dữ kiện chính xác. Cuộc tranh đấu này giữa Nhà nước (một bên) với bị cáo (bên kia). Trong mô hình tranh tụng, công tố viên, luật sư, thẩm phán và bồi thẩm đoàn cùng chia sẻ quyền lực. Vai trò của thẩm phán trong quan hệ tranh tụng là vai trò của người trọng tài. Khác với tố tụng tranh tụng, mô hình tố tụng

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: haininh.hn2005@gmail.com

thẩm vấn không phải là sự cạnh tranh giữa hai bên đối địch, sự thật có thể và phải được tìm ra trong quá trình thẩm vấn, điều tra. Phiên toà là sự tiếp tục điều tra và thẩm phán có vai trò quan trọng trong quá trình xét xử, hỏi phần lớn các câu hỏi và phát triển sự kiện trong khi các luật sư chủ yếu chỉ tranh luận để giải thích những gì thẩm phán sẽ tuyên liên quan đến các dữ kiện của vụ án.⁽¹⁾

Tranh tụng cũng được xem xét là nguyên tắc của luật tố tụng hình sự. Nếu nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự là phương châm, định hướng chi phối toàn bộ hay một số giai đoạn tố tụng trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật nhằm giải quyết vụ án khách quan, công bằng, bảo đảm tôn trọng quyền con người hướng tới mục tiêu của tố tụng hình sự thì tranh tụng được coi là nguyên tắc tiêu biểu của mô hình tố tụng tranh tụng bên cạnh các nguyên tắc khác như nguyên tắc quyền im lặng của người bị buộc tội, nguyên tắc suy đoán vô tội... Trong khi đó, các nguyên tắc của mô hình tố tụng thẩm vấn có đặc trưng là kiểm soát và đấu tranh chống tội phạm như: trách nhiệm chứng minh tội phạm của các cơ quan công quyền, bắt buộc khởi tố và xử lý vụ án hình sự...⁽²⁾

Dưới góc độ là thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng bao gồm các hoạt động xét hỏi, tranh luận diễn ra tại phiên toà giữa chủ thể buộc tội và những người tham gia tố tụng khác với sự điều

hành của thẩm phán nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Trên cơ sở nhận thức chung về tranh tụng trong tố tụng hình sự, đối chiếu với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 cho thấy mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam hiện được xây dựng trên nền tảng của mô hình tố tụng thẩm vấn, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng, tăng cường quá trình tranh luận, trao đổi, kiểm tra chứng cứ và chứng minh một cách dân chủ, công bằng để tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Toà án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; bản án, quyết định của toà án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh tụng tại phiên toà.⁽³⁾ Mô hình này được đánh giá là phù hợp với điều kiện hiện có của Việt Nam về năng lực của đội ngũ trong các cơ quan tiến hành tố tụng, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ quan tiến hành tố tụng và trình độ pháp lý của xã hội cũng như sự hội nhập quốc tế.⁽⁴⁾ Với sự hình thành mô hình tố tụng có tính chất “đan xen” như vậy, sẽ tất yếu dẫn đến sự hiện diện các nguyên tắc đặc trưng của cả mô hình tố tụng tranh tụng và mô hình tố tụng thẩm vấn trong hệ thống pháp luật.

(3). Nguyễn Hoà Bình, “Tổng quan những nội dung lớn sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, trong: Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 32, 33.

(4). Nguyễn Ngọc Chí, “Cơ sở lựa chọn mô hình tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề: Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, 2011, tr. 52.

(1). Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Thông tin Khoa học pháp lý*, Số chuyên đề về tư pháp hình sự so sánh, 1999, tr. 122 - 126.

(2). Nguyễn Ngọc Chí, *Giáo trình Các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr. 31 - 36.

Việc nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm cũng như sự thể hiện nội dung của nguyên tắc này trong các quy định cụ thể không những là chỉ dẫn trong quá trình thực thi mà còn tạo cơ sở cho việc hình thành các đề xuất hoàn thiện quy định của BLTTHS bảo đảm thực hiện nguyên tắc nhằm hướng tới giải quyết vụ án hình sự khách quan, dân chủ, công bằng, bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng.

2. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và sự cụ thể hoá nguyên tắc trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm tạo cơ sở pháp lý nền tảng cho hoạt động tố tụng của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án với các nội dung cụ thể. Trên cơ sở các nội dung này, nhà làm luật tiếp tục cụ thể hoá trong các quy định của BLTTHS năm 2015.

Thứ nhất, ghi nhận quyền bình đẳng của các chủ thể trong quá trình tố tụng nhằm tạo cơ sở đầu tiên cho tranh tụng trong xét xử.

Đoạn 1 Điều 26 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”*.

Quy định này đã xác định rõ chủ thể, nội dung và phạm vi quyền bình đẳng. Các chủ thể có quyền bình đẳng trong việc đưa ra

chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bao gồm: điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác.

So sánh với nội dung nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước toà án quy định trong BLTTHS năm 2003, thay đổi cơ bản của BLTTHS năm 2015 là xác định các chủ thể có quyền bình đẳng mở rộng và đầy đủ hơn, không chỉ có kiểm sát viên và một số người tham gia tố tụng như quy định cũ. Quyền bình đẳng cũng không bị giới hạn trong giai đoạn xét xử (bình đẳng trước toà án) mà được ghi nhận bảo đảm trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Nội dung của quyền bình đẳng không chỉ dừng lại ở bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, yêu cầu như trong BLTTHS năm 2003 mà còn bình đẳng trong việc đánh giá chứng cứ.

Việc xác định điều tra viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng bình đẳng với các chủ thể tham gia tố tụng khác trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu trong quá trình tố tụng tạo ra sự cân bằng giữa các chủ thể có chức năng tố tụng khác nhau. Nội dung này quyết định đến quy định của BLTTHS năm 2015 về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự. BLTTHS năm 2003 quy định việc thu thập chứng cứ thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, còn những người tham gia tố tụng chỉ có thể đưa ra đồ vật, tài liệu, trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án. Quy định như vậy dẫn đến *“sự độc quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng liên quan đến việc có chấp*

nhận hay không chấp nhận những tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án do các chủ thể cung cấp”.⁽⁵⁾ Trong BLTTHS năm 2015, người tham gia tố tụng không chỉ có quyền thu thập chứng cứ mà còn có quyền đánh giá chứng cứ bình đẳng với điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng.⁽⁶⁾ Đối với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án (khoản 2 Điều 108 BLTTHS năm 2015).

Bình đẳng trong đánh giá chứng cứ giữa các chủ thể đại diện cho Nhà nước như điều tra viên, kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác còn thể hiện rõ trong quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục phiên toà xét xử. Theo đó, lần đầu tiên BLTTHS năm 2015 quy định *“trong quá trình xét xử, khi xét thấy cần thiết, hội đồng xét xử có thể triệu tập điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lí, giải quyết vụ án và những người khác đến phiên toà”* (Điều 296) để những người này trình bày ý kiến, làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Việc BLTTHS năm 2015 xác định quyền bình đẳng trong đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử giữa các chủ thể đại diện cho Nhà nước bao gồm điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có

thẩm quyền tiến hành tố tụng với người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng là cơ sở pháp lí giúp cho quá trình giải quyết vụ án hình sự khách quan, toàn diện và đầy đủ, đặc biệt hạn chế việc làm oan người vô tội. Việc bảo đảm được quyền bình đẳng là tiền đề để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng trong xét xử.

Thứ hai, quy định các điều kiện để tiến hành hoạt động tranh tụng trong xét xử đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của toà án trong quá trình xét xử để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng.

Để thực hiện việc xét xử, tranh tụng công khai trước toà án, Điều 26 ghi nhận nội dung: *“Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do viện kiểm sát chuyển đến toà án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên toà xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lí do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước toà án”.*

Toà án chỉ nhận hồ sơ vụ án và thụ lí vụ án trong *“trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) đã đầy đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng và bản cáo trạng đã được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can”*,⁽⁷⁾ tức hồ sơ vụ án phải đầy đủ và hợp pháp. Nguyên tắc xác định toà

(5). Đỗ Ngọc Quang, “Chứng cứ và chứng minh”, trong: Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), sđd, tr. 214.

(6). Điều 26, Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

(7). Điểm a khoản 1 Điều 276 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

án không phải là một trong các bên tham gia tranh tụng mà toà án điều khiển quá trình tranh tụng. Cụ thể, toà án quyết định phiên toà xét xử có được tiến hành hay không khi có chủ thể tham gia tranh tụng vắng mặt, thể hiện trong các điều luật quy định về sự có mặt của người được triệu tập tham gia phiên toà và việc hoãn phiên toà (từ Điều 288 đến Điều 297, từ Điều 349 đến Điều 352 BLTTHS năm 2015); nếu phiên toà được tiến hành, toà án có trách nhiệm tạo điều kiện cho các chủ thể thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ để bảo đảm tranh tụng được tiến hành dân chủ, bình đẳng.

Nội dung này của nguyên tắc thể hiện đậm nét, đặc trưng nhất trong các quy định tại phiên toà (sơ thẩm, phúc thẩm) với nhiều nội dung cụ thể:⁽⁸⁾

- Xác định chủ tọa phiên toà điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lí (khoản 1 Điều 307). Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên toà để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên toà thì hội đồng xét xử phải nêu rõ lí do và được ghi trong bản án;

- Quy định cho phép bị cáo hỏi bị cáo khác, người bị hại, người làm chứng khi được chủ tọa đồng ý (các điều 309, 310, 311);

- Quy định trong quá trình xét xử, khi xét thấy cần thiết, hội đồng xét xử có thể triệu

tập điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lí, giải quyết vụ án và những người khác đến phiên toà để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án (Điều 296);

- Quy định cụ thể chi tiết trình tự phát biểu khi tranh luận (Điều 320); quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tranh luận tại phiên toà sơ thẩm (Điều 322)...

Thứ ba, quy định phán quyết của toà án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá mọi chứng cứ về từng vấn đề và kết quả tranh tụng tại phiên toà.

Phán quyết của toà án không chỉ căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong quá trình nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị xét xử thể hiện trong hồ sơ vụ án do viện kiểm sát chuyển đến mà phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá và kết quả tranh tụng tại phiên toà.

Toà án, chủ thể thực hiện quyền tư pháp, để bảo đảm công lí được thực thi, tránh oan, sai phải bảo đảm “*mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lí vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên toà. Bản án, quyết định của toà án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà*” (Điều 26 BLTTHS năm 2015).

Cụ thể hoá nội dung này, Điều 260 BLTTHS năm 2015 quy định bản án của toà

(8). Xem thêm: Hoàng Anh Tuyên, “Xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự”, trong: Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), sđd, tr. 318 - 322.

án cấp sơ thẩm phải ghi rõ: ý kiến của người bào chữa, bị hại, đương sự, người khác tham gia phiên tòa được tòa án triệu tập; nhận định của hội đồng xét xử phải phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội, xác định bị cáo có tội hay không và nếu bị cáo có tội thì là tội gì, theo điểm, khoản, điều nào của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác được áp dụng, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cần phải xử lý như thế nào. Nếu bị cáo không có tội thì bản án phải ghi rõ những căn cứ xác định bị cáo không có tội và việc giải quyết khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật; phân tích lý do mà hội đồng xét xử không chấp nhận những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu, đề nghị của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự và người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ đưa ra.

Đặc biệt BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hoá nội dung của nguyên tắc trong quy định về việc bố trí phòng xử án phải “*bảo đảm sự bình đẳng giữa người thực hành quyền công tố và luật sư, người bào chữa khác*” (Điều 257). Việc ghi nhận nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử của BLTTHS năm 2015 định hướng cho tòa án khi thực hiện quyền tư pháp - tiến hành hoạt động xét xử, bảo đảm bản án, quyết định của tòa án xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân...

3. Những hạn chế trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ảnh hưởng đến việc thực thi nguyên tắc và đề xuất hoàn thiện pháp luật

Từ những phân tích trên cho thấy, nội dung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm “*hàm chứa những yếu tố cần và đủ của nguyên tắc tranh tụng và nội dung tranh tụng trong tố tụng hình sự nước ta*”.⁽⁹⁾ Tuy nhiên, để bảo đảm nguyên tắc được thực thi đúng với tinh thần của cải cách tư pháp, cần phải khắc phục các hạn chế lập pháp sau đây:

Thứ nhất, tên gọi của nguyên tắc chưa phản ánh đầy đủ phạm vi điều chỉnh.

Trong tố tụng hình sự Việt Nam, quá trình giải quyết vụ án bao gồm: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, thi hành án, xét lại bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Với tên gọi “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” tại Điều 26 BLTTHS thì nguyên tắc này được hiểu là chi phối quá trình xét xử (bao gồm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm). Các giai đoạn khác như khởi tố, điều tra, truy tố không bị điều chỉnh bởi nguyên tắc này.

Nội dung đầu tiên của nguyên tắc như đã phân tích bảo đảm quyền bình đẳng giữa các chủ thể có quyền theo luật định trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Bảo đảm quyền bình đẳng là tiền đề để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước tòa án. Bởi “*không thể có một tình huống khi mà*

(9). Đào Trí Úc, “Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, trong: Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), sđd, tr. 82.

giai đoạn điều tra được định hướng theo những nguyên tắc mang tính tố tụng thẩm vấn, trong khi định hướng của giai đoạn xét xử lại mang những nguyên tắc của tố tụng tranh tụng”.⁽¹⁰⁾ Cũng chính trên định hướng này mà nội dung đầu tiên của nguyên tắc điều chỉnh các hoạt động tại giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố không phải chỉ điều chỉnh các hoạt động trong xét xử.

So sánh nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” trong BLTTHS năm 2015 với nguyên tắc “bảo đảm quyền bình đẳng trước toà án” trong BLTTHS năm 2003 sẽ cho thấy sự thay đổi về nguyên tắc trong phương thức tìm ra sự thật vụ án. Trong BLTTHS năm 2003, nguyên tắc ghi nhận quyền bình đẳng chỉ giới hạn trước toà án, còn các giai đoạn tố tụng trước đó quyền bình đẳng không được ghi nhận. Quy định này ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án do thiếu sự bình đẳng giữa các chủ thể. Vì vậy, việc đưa nội dung “bảo đảm quyền bình đẳng” vào nguyên tắc bảo đảm tranh tụng xác định tranh tụng diễn ra trên cơ sở bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu ngay từ giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng bảo đảm việc thực hiện quyền tư pháp sẽ cho kết quả chính xác, đúng đắn.

Với quan điểm cho rằng mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam được xây dựng trên nền tảng của mô hình tố tụng thẩm vấn, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp

lí của mô hình tố tụng tranh tụng thì tranh tụng không chỉ đơn thuần là một giai đoạn diễn ra tại phiên toà xét xử. Tranh tụng dưới góc độ là nguyên tắc có nội dung xác định quyền bình đẳng của các chủ thể luật định trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu cần phải được tuân thủ ngay khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành hoạt động buộc tội, xuất hiện các chủ thể bị buộc tội với quyền bào chữa luật định. Ngay từ các giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng, sự tranh luận giữa các bên để tìm ra sự thật đã tồn tại mặc dù chưa có sự xuất hiện của chủ thể xét xử. Nó thể hiện thông qua các hoạt động đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu khác nhau giữa các bên để sau đó quyết định tranh tụng chính thức trước toà án - chủ thể có quyền xem xét và phân xử.

Do vậy, để thể hiện được đầy đủ phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc, tên Điều 26 nên được sửa thành “tranh tụng trong tố tụng được bảo đảm”.

Thứ hai, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán chưa bảo đảm đúng vai trò của toà án trong quá trình tố tụng được ghi nhận trong nguyên tắc.

Nghiên cứu quy định của BLTTHS điều chỉnh các hoạt động xét xử sơ thẩm trong mối quan hệ với nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử có thể nhận thấy những hạn chế để nguyên tắc được tuân thủ đúng đắn. Nội dung nguyên tắc xác định rõ: “Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân

(10). Đào Trí Úc, “Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, trong: Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), sđd, tr. 56.

chủ, bình đẳng trước toà án”. Ở đây, việc tranh tụng diễn ra giữa các bên “trước toà án”, mà không phải tranh tụng với toà án, toà án không phải là chủ thể tham gia quá trình tranh tụng. Phù hợp với nội dung này, khoản 1 Điều 307 BLTTHS quy định: “*Chủ toạ phiên toà điều hành việc xét hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lí*”.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 307 lại quy định: “*Khi xét hỏi, chủ toạ phiên toà hỏi trước sau đó quyết định để thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”. Tiếp theo, các điều 309, 310, 311 BLTTHS quy định cụ thể việc hỏi bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện, hỏi người làm chứng theo cách hiểu hội đồng xét xử chủ động xét hỏi trước. Với quy định hiện nay, có đánh giá cho rằng “toà án đóng vai trò tích cực trong quá trình xét xử... không ít thẩm phán “quên” mất chức năng xét xử của mình... sa đà vào chức năng buộc tội thay cho kiểm sát viên”.⁽¹¹⁾

Với việc toà án đảm nhận chức năng xét xử trong tố tụng, vai trò điều hành của chủ toạ phiên toà phải được hiểu là điều hành việc xét hỏi, không phải là thực hiện việc xét hỏi. Việc xét hỏi thuộc về bên giữ quyền công tố, bên thực hiện chức năng buộc tội để làm rõ và chứng minh quan điểm buộc tội trong bản cáo trạng (xét hỏi là quyền đồng thời là trách nhiệm của bên giữ quyền công tố). Xét hỏi cũng thuộc về bên bị buộc tội

dưới góc độ là quyền của họ để chống lại việc buộc tội. Việc quy định theo hướng hội đồng xét xử làm thay bên buộc tội trong quá trình xét hỏi là không phù hợp với chức năng xét xử, thể hiện sự không phù hợp với nội dung nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử.⁽¹²⁾ Vì vậy, cần sửa đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 45 về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán chủ toạ phiên toà để xác định thẩm phán là người điều hành việc xét xử, trong đó bao hàm cả điều hành việc tranh tụng, không phải tham gia tranh tụng tại toà như bên buộc tội. Cụ thể, cần bỏ nội dung quy định thẩm quyền “tranh tụng tại phiên toà” tại điểm d khoản 2 Điều 45:

“Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thẩm phán

1. (Giữ nguyên)

2. Thẩm phán chủ toạ phiên toà có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) (Giữ nguyên)

b) (Giữ nguyên)

c) (Giữ nguyên)

d) Điều hành việc xét xử vụ án”.

Ngoài ra, để bảo đảm tôn trọng nguyên tắc, bảo đảm các chủ thể tiến hành các hoạt động tố tụng phù hợp chức năng tố tụng, bảo đảm bình đẳng giữa các bên tranh tụng, đoạn 1 khoản 2 Điều 307 không nên quy định “chủ toạ phiên toà hỏi trước” mà nên quy định như sau:

(11). Phạm Minh Tuyên, “Tư duy về xét xử - Thực trạng và một số yêu cầu tiếp tục đổi mới”, *Tạp chí Toà án nhân dân*, số 14/2019, tr. 11 - 12.

(12). Nguyễn Hải Ninh, “Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các nguyên tắc tố tụng áp dụng trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự”, trong: *Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019, tr. 119 - 120.

“Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. (Giữ nguyên)

2. Khi xét hỏi từng người, kiểm sát viên hỏi trước, sau đó đến người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc xét hỏi. Hội đồng xét xử hỏi sau cùng về các tình tiết chưa rõ liên quan đến vụ án”.

Để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, các điều luật quy định về xét hỏi trong thủ tục phiên tòa cũng cần được sửa đổi theo đúng tinh thần sửa đổi tại Điều 307 BLTTHS, cụ thể như sau:

“Điều 309. Hỏi bị cáo

1. (Giữ nguyên)

2. Bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án.

Kiểm sát viên hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án.

Người bào chữa hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa và tình tiết khác của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi bị cáo về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự.

Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết liên quan đến họ.

Hội đồng xét xử hỏi sau cùng, về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

3. (Giữ nguyên)”.

“Điều 310. Hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ

Bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ trình bày những tình tiết của vụ án có liên

quan đến họ. Sau đó, kiểm sát viên, người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo.

Hội đồng xét xử hỏi sau cùng, về những điểm mà bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn”.

“Điều 311. Hỏi người làm chứng

1. (Giữ nguyên)

2. Khi hỏi người làm chứng, hội đồng xét xử phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết của vụ án mà họ đã biết. Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người làm chứng.

Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo có thể hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo.

Hội đồng xét xử hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

3. (Giữ nguyên)

4. (Giữ nguyên)

5. (Giữ nguyên)”.

Thứ ba, quy định về thẩm quyền thu thập, bổ sung chứng cứ của tòa án chưa phù hợp với vai trò của cơ quan xét xử, không bảo đảm tranh tụng bình đẳng.

Để thấy rõ hạn chế này, cần đặt nguyên tắc tranh tụng bên cạnh nguyên tắc “suy đoán vô tội” - nguyên tắc thể hiện sự thay

đổi trong tư duy lập pháp và có ảnh hưởng đến quá trình thực thi pháp luật, đặc biệt là hoạt động xét xử - hoạt động thực hiện quyền tư pháp của toà án. Theo đó, trong hoạt động xét xử của toà án, thẩm phán, hội thẩm phải xác định người bị buộc tội vẫn là người vô tội để thực hiện hoạt động xét xử khách quan, bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng, trên cơ sở bảo đảm tranh tụng dân chủ từ đó đưa ra phán quyết đúng đắn về vụ việc hình sự. Cần xác định, “toà án với tư cách là cơ quan thực hiện chức năng xét xử không thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm mà chỉ thực hiện thẩm tra, đánh giá, chấp nhận sử dụng chứng cứ mà hai bên đưa ra để kết tội hay không kết tội bị cáo tại phiên toà”⁽¹³⁾ nên các quy định của BLTTHS về thu thập, bổ sung chứng cứ cần được cân nhắc tránh dẫn đến toà án làm thay bên buộc tội, thậm chí thực hiện chức năng buộc tội thay viện kiểm sát. Nguyên tắc “bảo đảm tranh tụng trong xét xử” khẳng định rõ vai trò “trọng tài” của toà án, vì vậy các quy định về việc toà án “thu thập” chứng cứ để chứng minh cần được sửa đổi, bảo đảm thống nhất là toà án chỉ xem xét, đánh giá để kết luận có chấp nhận hay không các chứng cứ do các bên đưa ra. Cụ thể, cần sửa đổi một số quy định sau:

- Điều 251. Tạm ngừng phiên toà

Điểm a khoản 1 Điều 251 BLTTHS quy định trường hợp tạm ngừng phiên toà khi: “Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên toà và có thể thực hiện

được trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên toà”. Quy định này dẫn đến cách hiểu là việc tạm ngừng phiên toà có thể do toà án “cần xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật...” và sau đó toà án sẽ tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ quy định tại Điều 252 BLTTHS. Cách hiểu này không phù hợp với việc xác định các hoạt động trong phạm vi thực hiện chức năng xét xử của toà án, không bảo đảm nội dung bình đẳng trong nguyên tắc tranh tụng.

Việc toà án quyết định tạm ngừng phiên toà phải được hiểu do các chủ thể tham gia tranh tụng như: kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại, đương sự cần xác minh, thu thập, bổ sung, chứng cứ tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên toà.

Vì vậy, điểm a khoản 1 Điều 251 BLTTHS cần sửa đổi như sau: “1. Việc xét xử có thể tạm ngừng khi thuộc một trong các trường hợp: a) Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại, đương sự cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên toà và có thể thực hiện được trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên toà”.

- Điều 252. Toà án xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ

Trên cơ sở khẳng định toà án không thu thập chứng cứ thay viện kiểm sát hay người tham gia tố tụng mà chỉ xem xét, đánh giá để đưa ra kết luận chấp nhận hay không chứng cứ của các chủ thể đưa ra tại phiên toà, tên

(13). Vũ Gia Lâm, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 1/2014, tr. 42.

Điều 252 nên được sửa đổi thành: “Toà án kiểm tra, xác minh chứng cứ”.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 252: “*Trường hợp toà án đã yêu cầu viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng viện kiểm sát không bổ sung được thì toà án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án*”. Như vậy, trường hợp viện kiểm sát không thể bổ sung được chứng cứ do toà án yêu cầu để khẳng định sự buộc tội của mình, nhà làm luật lại quy định toà án làm thay viện kiểm sát. Toà án dù thực hiện việc thu thập chứng cứ để buộc tội hay gỡ tội đối với bị cáo thì đều không đúng với chức năng xét xử vì “*thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội là trách nhiệm của cơ quan thực hiện chức năng buộc tội*”.⁽¹⁴⁾ Trường hợp toà án đã yêu cầu viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng viện kiểm sát không bổ sung được toà án sẽ phải kết luận trong phạm vi các chứng cứ được kiểm tra, đánh giá và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Quy định như vậy mới đảm bảo phù hợp nội dung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và nguyên tắc suy đoán vô tội quy định tại Điều 13 BLTTHS năm 2015 là: “Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”. Do vậy cần bỏ quy định tại khoản 6 Điều 252 BLTTHS năm 2015./.

(14). Phạm Vũ Ngọc Quang, “Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về việc toà án thu thập chứng cứ nhìn từ góc độ phân định thẩm quyền của toà án”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 6/2017, tr. 48.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Nguyễn Ngọc Chí, *Giáo trình Các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
3. Nguyễn Ngọc Chí, “Cơ sở lựa chọn mô hình tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề: Các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền, 2011.
4. Vũ Gia Lâm, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 1/2014.
5. Nguyễn Hải Ninh, “Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các nguyên tắc tố tụng áp dụng trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự”, trong: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, 2019.
6. Phạm Vũ Ngọc Quang, “Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về việc toà án thu thập chứng cứ nhìn từ góc độ phân định thẩm quyền của toà án”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 6/2017.
7. Phạm Minh Tuyên, “Tư duy về xét xử - Thực trạng và một số yêu cầu tiếp tục đổi mới”, *Tạp chí Toà án nhân dân*, số 14/2019.
8. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Thông tin Khoa học pháp pháp lý, Số chuyên đề về tư pháp hình sự so sánh*, 1999.